

Số: /QĐ-MNTC

Tiền Lãng, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

V/v công khai Kết quả đạt cam kết chất lượng giáo dục; chất lượng giáo dục mầm non thực tế đầu năm học; Công khai thông tin cơ sở vật chất; Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên; Công khai số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được đào tạo, bồi dưỡng trong năm học 2023-2024 và 02 năm tiếp theo

(Theo thông tư 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017)

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG MẦM NON TIỀN CƯỜNG

Căn cứ Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống Giáo dục quốc dân.;

Căn cứ Công văn số 343/GDĐT ngày 17/8/2023 của Phòng GD&ĐT về việc triển khai thực hiện công tác công khai trong trường học năm học 2023-2024;

Thực hiện kế hoạch số 28/KH-MNTC ngày 15/9/2023 thực hiện công tác công khai trong trường học năm học 2023-2024;

Căn cứ vào tình hình kết quả thực tế nhà trường đầu năm học 2023-2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai 05 biểu theo Thông tư 36 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (có biểu cụ thể kèm theo)

Điều 2. Hình thức công khai: Công khai đến 100% cán bộ, giáo viên, nhân viên và phụ huynh có con học tại trường trên bảng tin và website của nhà trường. Công khai trong thời gian 30 ngày, từ 18/9/2023 đến 18/10/2023

Điều 3. Ban giám hiệu, các bộ phận, Ban chỉ đạo quy chế công khai, Kế toán trường Mầm non Tiên Cường, các đoàn thể có liên quan căn cứ quyết định thi hành. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT;
- Phòng TC-KH;
- CBGVNV, phụ huynh;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Vũ Thị Xuyên

THÔNG BÁO
Kết quả đạt cam kết chất lượng giáo dục, năm học 2023-2024

TT	Nội dung	Kết quả đạt được trong năm học	
		Nhà trẻ	Mẫu giáo
I	Tên chương trình giáo dục mầm non thực hiện	Chương trình GDMN do Bộ GD&ĐT ban hành	Chương trình GDMN do Bộ GD&ĐT ban hành
II	Chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ đạt được		
1	<i>Chất lượng nuôi dưỡng trẻ</i>	- 100% trẻ được cân và theo dõi biểu đồ sức khỏe 3lần/năm + Kết quả cân đo phần đầu cuối năm: 82/85 trẻ cân nặng bình thường đạt 96,4%. 03/85 trẻ thể nhẹ cân và thừa cân đạt 3,6%.	- 100% trẻ được cân, đo và theo dõi biểu đồ sức khỏe 3lần/năm + Kết quả cân đo cuối năm: 274/283 trẻ cân nặng bình thường đạt 96,8%. 9/283 trẻ thể nhẹ cân và thừa cân đạt 3,2%.
2	<i>Chất lượng chăm sóc sức khỏe, đảm bảo an toàn cho trẻ</i>	- 100% trẻ được chăm sóc sức khỏe, đảm bảo an toàn tuyệt đối về thể chất lẫn tinh thần mọi mặt	- 100% trẻ được chăm sóc sức khỏe, đảm bảo an toàn tuyệt đối về thể chất và tinh thần mọi mặt.
3	<i>Chất lượng giáo dục trẻ</i>	Kết quả đánh giá trẻ cuối năm phần đầu: - 80/85 trẻ, tỷ lệ = 94,1% trẻ đạt - 05/85 trẻ, tỷ lệ = 5,9 % trẻ cần cố gắng	Kết quả đánh giá trẻ cuối năm phần đầu: - 276/283 trẻ , tỷ lệ = 97,5% trẻ đạt - 07/285 trẻ, tỷ lệ = 2,5 % trẻ cần cố gắng
III	Các hoạt động hỗ trợ nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ ở cơ sở GDMN (nếu có)	- Tạo môi trường Giáo dục theo hướng GD STEAM - Đẩy mạnh các phong trào viên thi đua “dạy tốt, học tốt” - Bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ, tay nghề cho đội ngũ - Thực hiện công tác phối hợp với gia đình và đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục. - Tăng cường công tác kiểm tra giám sát trong nhà trường	- Tạo môi trường Giáo dục theo hướng GD STEAM - Đẩy mạnh các phong trào viên thi đua “dạy tốt, học tốt” - Bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ, tay nghề cho đội ngũ - Thực hiện công tác phối hợp với gia đình và đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục - Tăng cường công tác kiểm tra giám sát trong nhà trường

Tiên Lãng, ngày 18 tháng 9 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)

Vũ Thị Xuyên

THÔNG BÁO
Công khai chất lượng giáo dục thực tế, năm học 2023-2024

T T	Nội dung		Kết quả thực tế đạt được cuối năm học								
			Toàn trường			Trong đó chia ra					
			Kết quả đạt được		Đánh giá mức độ đạt được so với dự kiến đầu năm học	Nhà trẻ			Mẫu giáo		
			Số lượng trẻ	Đạt tỷ lệ		3-12 tháng tuổi	13-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
1	Huy động trẻ	Tổng số trẻ đi học	344	100			61	86	100	97	
		Trẻ học nhóm ghép									
		Trẻ học 2 buổi/ngày	344	100			61	86	100	97	
		Trẻ khuyết tật học hòa nhập									
2	Chất lượng nuôi dưỡng trẻ	Trẻ được tổ chức ăn bán trú	344	100			61	86	100	97	
		Trẻ được cung cấp chế độ và khẩu phần ăn đảm bảo theo nhu cầu khuyến nghị	344	100		61			283		
3	Chất lượng chăm sóc sức khỏe, đảm bảo an toàn cho trẻ	Trẻ được khám sức khỏe định kỳ	344	100			61	86	100	97	
		Trẻ được cân-đo, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định	344	100			61	86	100	97	
		Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ	Trẻ có cân nặng bình thường	309	89,8			50	77	95	87
			Trẻ có chiều cao bình thường	310	90,1			46	78	92	94
			Trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	14	3,7			9	7	4	6
			Trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi	25	6,5			14	7	8	3
			Trẻ suy dinh dưỡng thể gầy còm	6	1,6			7	3	4	3
			Trẻ thừa cân	9	2,4			2	2	1	4
Trẻ béo phì	5		1,3			0	0	0	0		

T T	Nội dung		Kết quả thực tế đạt được cuối năm học								
			Toàn trường			Trong đó chia ra					
			Kết quả đạt được		Đánh giá mức độ đạt được so với dự kiến đầu năm học	Nhà trẻ			Mẫu giáo		
			Số lượng trẻ	Đạt tỷ lệ		3-12 tháng tuổi	13-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
	Trẻ được đảm bảo an toàn về thể chất và tinh thần		344	100				61	86	100	97
4	Trẻ đi học chuyên cần										
	Đánh giá chất lượng giáo dục trẻ	Trẻ được đánh giá ở mức "Đạt"									
		Trẻ được đánh giá ở mức "Cần cố gắng"									
		Trẻ được đánh giá ở mức "Chưa đạt"									
	Trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình GDMN										
Trẻ khuyết tật học hòa nhập được đánh giá có tiến bộ											

Tiên Lãng, ngày 18 tháng 9 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)

Vũ Thị Xuyên

THÔNG BÁO
Công khai thông tin cơ sở vật chất, năm học 2023-2024

TT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng		Số m ² /trẻ em
II	Loại phòng học	12	-
1	Phòng học kiên cố	12	-
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
III	Số điểm trường	2	-
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m²)	4.900	14,2
V	Tổng diện tích sân chơi (m²)	850	2,47
VI	Tổng diện tích một số loại phòng		
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	665	1,93
2	Diện tích phòng ngủ (m ²)	0	
3	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)	190	0,55
4	Diện tích hiên chơi (m ²)	324	0,94
5	<i>Diện tích phòng giáo dục thể chất (m²)</i>	0	
6	<i>Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m²)</i>	0	
7	Diện tích nhà bếp và kho (m ²)	135	0,39
VII	Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		01 bộ/nhóm (lớp)
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định	12	
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định	0	
VIII	Tổng số đồ chơi ngoài trời	1	07 bộ/sân chơi (trường)
IX	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)	12	
X	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác (Liệt kê các thiết bị ngoài danh mục tối thiểu theo quy định)		
1	Bộ thể chất đa năng.	0	
2	Đồ chơi tự làm	36	03 bộ/lớp

XI	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Số lượng(m ²)	
			Dùng cho trẻ	
			Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	03	12	172/172
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*		0	0

(*Theo Thông tư 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Trường mầm non và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh)

		Có	Không
XII	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XIII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XIV	Kết nối internet	x	
XV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục	x	
XVI	Tường rào xây	x	
..		

Tiên Lãng, ngày 18 tháng 9 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)

Vũ Thị Xuyên

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên, năm học 2023.-2024

TT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp				Chuẩn nghề nghiệp				
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng I	Hạng II	Hạng III	Hạng IV	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	34		1	24	3	4	2		8	2	16	20	6		
I	Giáo viên	23			21	2				5	2	16				
1	Nhà trẻ	6			6					3		3	3	3		
2	Mẫu giáo	17			15	2				2	2	13	14	3		
II	Cán bộ quản lý	3		1	2					3			3			
1	Hiệu trưởng	1		1						1			1			
2	Phó hiệu trưởng	2			2					2			2			
III	Nhân viên	8			1	1	4	2								
1	Nhân viên văn thư															
2	Nhân viên kế toán	1			1											
3	Thủ quỹ															
4	Nhân viên y tế															
5	Nhân viên nuôi dưỡng	7				1	4	2								
6	Nhân viên khác															
..	..															

Tiên Lãng, ngày 18 tháng 9 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)

Vũ Thị Xuyên

THÔNG BÁO

Công khai số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được đào tạo, bồi dưỡng trong năm học 2023-2024 và 02 năm tiếp theo

TT	Thời gian đào tạo, bồi dưỡng	Đối tượng tham gia	Số lượng người tham gia	Nội dung đào tạo, bồi dưỡng	Hình thức đào tạo, bồi dưỡng	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Từ tháng 8/2023 Đến tháng 8 năm 2025	Giáo viên	02	Trên chuẩn sư phạm MN	Hệ vừa học vừa làm	Đại học MN
2	Từ tháng 8/2023 Đến tháng 8 năm 2024	Nhân viên	02	Nâng chuẩn nhân viên nấu ăn	Hệ vừa học vừa làm	Trung cấp nấu ăn
3	Từ tháng 8/2023 Đến tháng 8 năm 2025	Giáo viên	01	Lý Luận CT hành chính	Tại chức	Trung cấp LLCTHC
4	Từ tháng 8/2023 Đến tháng 8 năm 2026	CBQL	01	QLGD	Chính quy	Thạc sĩ

Tiên Lãng, ngày 18 tháng 9 năm 2023
Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)

Vũ Thị Xuyên